TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án: 05/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 22-10-2018.
V/v "Xin ly hôn "giữa bà Cao Thị H và ông Phan Văn T.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong –** Thẩm phán.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông **Tống Giang Nam.**
- Ông **Nguyễn Hồng Cường.**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nghiêm Văn Hải**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông tH vụ án dân sự thụ lý số 14/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc *"xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Cao Thị H** – Sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn 3A, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
(Có mặt).
Bị đơn: Ông **Phan Văn T** – Sinh năm 1970.
Địa chỉ: Thôn 3A, xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09-3-2018 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông T tH xuyên uống rượu và đánh đập vợ con. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay phần ai nấy sống không quan tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 02 người con chung tên là Phan Thị Quế Chi – Sinh ngày 28/01/2005 và Phan Thị Hải Triều – Sinh ngày 18/11/2007, từ khi ly thân cho đến nay con chung do bà H nuôi dưỡng, khi ly hôn bà

H yêu cầu được nhận nuôi con chung là cháu Chi và cháu Triều cho đến tuổi trưởng thành, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống bà H với ông T có tạo lập được một số tài sản chung khi ly hôn bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống bà H với ông T không có vay nợ chung ai.

Bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà H chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn ông T cũng đồng ý được ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 02 người con chung tên là Phan Thị Quế Chi – Sinh ngày 28/01/2005 và Phan Thị Hải Triều – Sinh ngày 18/11/2007, từ khi ly thân cho đến nay con chung do bà H nuôi dưỡng, khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung là cháu Chi và cháu Triều cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống ông T và bà H không có vay nợ chung ai.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Hải, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông T tH xuyên uống rượu. Vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên sống ly thân, phần ai nấy sống không quan tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông T. Ông T cũng đồng ý được ly hôn với bà H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho bà Cao Thị H và ông Phan Văn T được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật..

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 02 người con chung tên là Phan Thị Quế Chi – Sinh ngày 28/01/2005 và Phan Thị Hải Triều – Sinh ngày 18/11/2007, từ khi sống ly thân cho đến nay con chung do bà H nuôi

dưỡng, khi ly hôn bà H yêu cầu được nhận nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành. Ông T cũng đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà H và ông T thấy rằng từ khi bà H và ông T sống ly thân con chung do bà H chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Chi và cháu Triều có nguyện vọng được ở với bà H, đồng thời ông T cũng đồng ý giao các con chung cho bà H nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo sự phát triển bình tH của con chung cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Phan Thị Quế Chi – Sinh ngày 28/01/2005 và Phan Thị Hải Triều – Sinh ngày 18/11/2007 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Chi và cháu Triều đủ 18 tuổi là phù hợp và đúng pháp luật, do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà H và ông T không có vay nợ chung ai nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5]Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Điều 81, Điều 82 , Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị H về việc *" Xin ly hôn "* với ông Phan Văn T. Xử cho bà **Cao Thị H** và ông **Phan Văn T** được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Giao con chung là Phan Thị Quế Chi – Sinh ngày 28/01/2005 và Phan Thị Hải Triều – Sinh ngày 18/11/2007 cho bà H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Chi và cháu Triều đủ 18 tuổi.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Cao Thị H phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ bà Cao Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai

thu tiền số 0002097 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Triệu Hải, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Đình Phong

.